

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ – ST
Ngày 08 - 6- 2021
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huân
Nguyễn Thị Thúy Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 285/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về ly hôn; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12a/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1972, “có mặt”.

Địa chỉ: Khu 3, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc,

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Khu 3, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2020 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1992. Trước khi cưới anh chị được tự do tìm hiểu. Sau ngày cưới chị H về chung sống cùng gia đình nhà anh ngay. Do anh và chị H không nghĩ đến việc phải đăng ký kết hôn nên anh, chị không ra Ủy ban nhân dân đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án giải thích cho anh biết về việc anh và chị H có quyền đi đăng ký kết hôn nhưng anh xét thấy quá trình chung sống mâu thuẫn giữa anh và chị H xảy ra đã lâu, hiện nay đã sống ly thân từ đầu năm

2020 đến nay không ai quan tâm đến ai, anh đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết cho anh ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 08/5/1993 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/5/1998. Hiện nay cả hai cháu đều đã đủ 18 tuổi, do vậy anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án chị trình bày: Chị thừa nhận lời anh L trình bày về thời gian tổ chức lễ cưới và quá trình chung sống cùng anh L từ năm 1992 là đúng. Vào thời điểm đó do hiểu biết còn hạn chế mặt khác thấy rằng việc đăng ký kết hôn là không cần thiết nên chị và anh L không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra và hiện tại đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nay anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 08/5/1993 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/5/1998. Hiện nay cả hai cháu đã đủ 18 tuổi, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ L, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng anh L đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng; về con chung không giải quyết vì các cháu đã đủ 18 tuổi; về án phí anh L phải chịu theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị H sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1992. Tuy anh, chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Việc anh L, chị H không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật khi chung sống với nhau là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân của anh L và chị H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.. Do đó, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng. Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ

hai không có L do, do vậy Hội đồng xét xử, xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của anh L, chị H thừa nhận anh, chị sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên anh L đã làm đơn xin ly hôn chị H. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên toà, Tòa án đều giải thích cho anh L và chị H biết về việc anh, chị có quyền đi đăng ký kết hôn nhưng anh chị vẫn từ chối vì cả hai đều xác định tình cảm mâu thuẫn đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án căn cứ Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Anh, chị có hai con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 08/5/1993 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/5/1998 nhưng các cháu đều đã đủ 18 tuổi và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh L không đề nghị Tòa án giải quyết, chị H vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2000/0000300 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y; anh L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

**Thành viên Hội đồng
tọa phiên tòa**

xét xử

Thẩm phán – Chủ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Văn Tiến;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lan

